

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 469/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 25 - 12 - 2024.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Mai.

2. Ông Huỳnh Phi Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:
Bà Phan Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 2529/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo ết"quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 421/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Số A đường C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

2. *Bị đơn:* Ông Nhâm Văn Q, sinh năm 1994;

Nơi thường trú: Tổ B, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Hiện đang cai nghiện tại Khu C – Cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai; Địa chỉ: ấp C, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(bà H và ông Q có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Q tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp ấ"Giấy chứng nhận kết hôn năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm, ông Q không chăm lo gia đình, thường xuyên ăn chơi, nghiện ma túy và đang đi cai nghiện ma túy tại Cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai. Hai vợ chồng đã tìm cách hòa giải mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Bà và ông Q có 01 con chung là Nhâm Phạm Khả V, sinh ngày 11/02/2019. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con bà không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nhâm Văn Q trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị H kết hôn với nhau vào năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng cãi nhau, không có thu nhập, tiền bạc. Ông không đồng ý ly hôn với bà H vì ông vẫn còn tình cảm với bà H và muốn đoàn tụ vợ chồng.

- Về con chung: Ông và bà H có 01 con chung là Nhâm Phạm Khả V, sinh ngày 11/02/2019. Hiện nay cháu V đang sống chung với bà H, bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì ông không đồng ý vì bà H không đủ điều kiện nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên ông không có ý gì và ông không có yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng"tố Tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng"tố Tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Q trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

Về con chung: Bà H và ông Q có 01 con chung là Nhâm Phạm Khả V, sinh ngày 11/02/2019. Ly hôn, giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

- Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Nhâm Văn Q cư trú tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai, nên đơn khởi kiện của bà Phạm Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị H và ông Nhâm Văn Q đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông Q theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai vào năm 2018, đã được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp ấ"Giấy chứng nhận kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 hôn nhân giữa bà H và ông Q là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ

chồng xảy ra mâu thuẫn, bà H có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Q nên Tòa án áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông Q xảy ra từ khoảng năm 2023 đến nay. Bà H cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông Q không chăm lo gia đình, nghiện ma túy, giữa hai vợ chồng đã tìm cách hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Q thừa nhận giữa hai vợ chồng ông có xảy ra cãi vã, mâu thuẫn với nhau. Ông Q không đồng ý ly hôn, tuy nhiên, từ lúc hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cho đến nay ông cũng không có biện pháp gì để vợ chồng ông khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ với nhau, ông nghiện ma túy, đang đi cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông Q là có thật, vợ chồng không còn có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H, bà H được ly hôn với ông Q.

[4] Về con chung: Bà H và ông Q có 01 con chung là Nhâm Phạm Khả V, sinh ngày 11/02/2019. Ly hôn bà H và ông Q có ện"nguyện vọng xin trực tiếp nuôi con chung.

Hiện nay cháu V đang sống chung với bà H, bà H có đi làm, có mức thu nhập hàng tháng khoảng 17.000.000đồng đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ông Q đang phải cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao con chung là Nhâm Phạm Khả V, sinh ngày 11/02/2019 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con bà H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau ly hôn, ông Q được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Bà H và ông Q không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà H và ông Q trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H khởi kiện về ly hôn nên phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông Nhâm Văn Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn ông Nhâm Văn Q.

- Về con chung: Giao con chung là Nhâm Phạm Khả V, sinh ngày 11/02/2019 cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

Sau ly hôn, ông Q được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004352 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày,

kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- UBND phường Trảng Dài;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Đại